

Market Today: Áp lực bán ngắn hạn vẫn còn

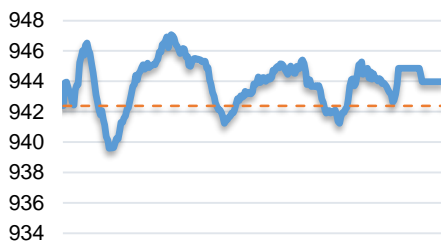
19/07/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

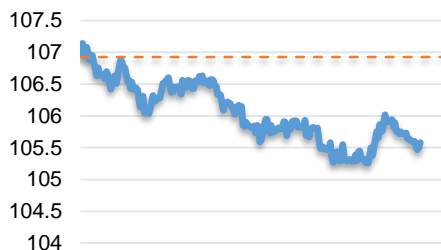
| Rating | VNI | HNXI | UPCOM |
|-----------------------------|----------|---------|--------|
| Điểm | 944.0 | 105.6 | 50.6 |
| % ngày | 0.17 | -1.26 | 0.85 |
| % tuần | 5.06 | 5.13 | 3.61 |
| % tháng | -1.89 | -4.52 | -2.11 |
| % năm | 22.39 | 6.86 | -10.15 |
| GTGD (Tỷ đồng) | | | |
| Trong ngày | 3,929.36 | 630.91 | 165.01 |
| Hôm qua | 2,927.37 | 445.97 | 99.76 |
| TB 1 tháng | 2,782.95 | 485.30 | 148.36 |
| Khối ngoại (Tỷ đồng) | | | |
| Mua | 769.25 | 17.34 | 30.62 |
| Bán | 820.28 | 51.93 | 30.32 |
| Giá trị ròng | (51.03) | (34.59) | 0.30 |
| Độ rộng TT | | | |
| Mã Tăng | 149 | 79 | 66 |
| Mã Giảm | 140 | 71 | 69 |
| Không Đổi | 64 | 234 | 599 |
| Chỉ số chính | | | |
| P/E | 18x | 11.3x | 9.7x |
| Vốn hóa TT (ngàn tỷ) | 2,993 | 201 | 811 |
| LS Cổ tức | 2.25 | 2.69 | 4.13 |

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index liên tục biến động tục quanh mức tham chiếu và cuối phiên khi bên mua chiếm ưu thế hơn nên chỉ số đóng cửa tại mức 944 điểm tăng nhẹ 0.17 điểm. Thanh khoản của hai phiên giao dịch gần đây đã được cải thiện và khả quan hơn. Riêng trên sàn HNX trong phiên hôm nay, cổ phiếu ACB giảm 2.21% đã làm ảnh hưởng lớn đến chỉ số HNX-Index. Ngoài ra còn có VCS, PVS, VGC... giảm mạnh đã làm chỉ số HNX-Index giảm hơn 1.2% xuống còn 105.6 điểm.

MSN, VJC cùng GAS vẫn là những mã hỗ trợ nhiều nhất cho mức tăng của chỉ số. Cổ phiếu VCI cùng LDG là những cổ phiếu tăng kịch trần cùng thanh khoản tốt. LDG đã có phiên tăng trần thứ 3 chỉ trong vòng 5 phiên giao dịch gần nhất. Ở chiều ngược lại, VCB là cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực nhất tới chỉ số. Khối ngân hàng gồm những cái tên như BID, MBB, VPB, TCB, CTG cũng đồng loạt giảm điểm trong phiên chiều nay. Đáng chú ý, cổ phiếu GTN có thanh khoản cao đột biến trong phiên hôm nay khi giao dịch hầu hết ở mức giá xanh.

Các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng tại thị trường Việt Nam với giá trị hơn 80 tỷ đồng. Tuy nhiên, xét trên sàn HSX thì lượng bán ròng hôm nay chỉ khoảng 51 tỷ đồng trong đó khối ngoại đã bán ròng VIC hơn 126 tỷ, VJC hơn 44 tỷ và VHM hơn 30 tỷ; mua ròng ở các mã VIS, BID, VCB, DXG...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn xuất hiện các nhịp rung lắc hoặc điều chỉnh nhẹ trong phiên tới khi áp lực bán ngắn hạn vẫn còn khá cao. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật ngắn hạn, thị trường có thể chỉ xuất hiện các nhịp điều chỉnh nhẹ sau ba phiên tăng điểm liên tiếp và rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu khuyến nghị đã tăng lên hơn 50% danh mục cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục tăng dần. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy dòng tiền liên tục luân chuyển giữa các nhóm cổ phiếu và nhóm Smallcaps thu hút dòng tiền khá tích cực trong phiên giao dịch 19/07/2018, nhưng chúng tôi cho rằng đây không phải là nhóm cổ phiếu dẫn dắt xu hướng tăng của thị trường, dòng tiền sẽ tiếp tục tập trung ở hai nhóm Largecaps và Midcaps.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 891.99 điểm của chỉ số VN-Index và 98.96 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 54% cổ phiếu/46% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

| | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Mức kháng cự 1 | Mức kháng cự 2 | Mức hỗ trợ 1 | Mức hỗ trợ 2 |
|------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|--------------|--------------|
| Chỉ số VN-Index | TĂNG | GIẢM | 997.0 | 1044.0 | 915.0 | 895.0 |
| Chỉ số HNX-Index | TĂNG | GIẢM | 112.5 | 121.0 | 96.5 | 92.0 |



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

| CP | Giá | Xu hướng ngắn hạn | Xu hướng trung hạn | Giá mua ngắn hạn | Mức cắt lỗ ngắn hạn | %LN ngắn hạn tạm tính | Tín hiệu ngắn hạn | Giá mua trung hạn | Mức cắt lỗ trung hạn | %LN trung hạn tạm tính | Tín hiệu trung hạn |
|-----|--------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| AAA | 18.10 | GIẢM | GIẢM | | 18.57 | | | | 21.72 | | |
| ACB | 35.40 | TĂNG | GIẢM | 35.60 | 31.53 | -0.56% | | | 41.80 | | |
| BFC | 25.80 | GIẢM | GIẢM | | 26.33 | | | | 29.51 | | |
| BHN | 89.80 | GIẢM | GIẢM | | 91.26 | | | | 114.62 | | |
| BID | 25.80 | TĂNG | GIẢM | 25.80 | 22.73 | 0.00% | MUA | | 31.68 | | |
| BMP | 54.60 | GIẢM | GIẢM | | 56.83 | | | | 63.44 | | |
| BSR | 14.60 | GIẢM | GIẢM | | 15.54 | | | | 20.28 | | |
| BVH | 75.50 | GIẢM | GIẢM | | 78.66 | | | | 96.02 | | |
| BWE | 18.40 | TĂNG | GIẢM | 17.70 | 16.09 | 3.95% | | | 19.32 | | |
| CEO | 12.50 | GIẢM | GIẢM | | 13.33 | | | | 16.23 | | |
| CHP | 23.50 | TĂNG | TĂNG | 23.50 | 23.34 | 0.00% | MUA | | 23.35 | | |
| CSM | 13.35 | GIẢM | TĂNG | | 13.98 | | | 14.80 | 12.77 | -9.80% | |
| CTD | 151.50 | TĂNG | TĂNG | 149.50 | 137.44 | 1.34% | | 155.00 | 128.22 | -2.26% | |
| CTG | 24.40 | TĂNG | GIẢM | 24.00 | 22.13 | 1.67% | | | 28.58 | | |
| CTI | 30.50 | TĂNG | GIẢM | 29.60 | 27.90 | 3.04% | | | 33.12 | | |
| CVT | 26.40 | TĂNG | GIẢM | 25.85 | 22.34 | 2.13% | | | 30.76 | | |
| DGW | 22.50 | GIẢM | GIẢM | | 23.18 | | | | 27.79 | | |
| DHA | 28.00 | TĂNG | GIẢM | 28.00 | 27.47 | 0.00% | MUA | | 28.49 | | |
| DHC | 37.00 | GIẢM | GIẢM | | 40.68 | | | | 46.93 | | |
| DHG | 102.50 | GIẢM | TĂNG | | 105.79 | | | 114.49 | 96.90 | -10.47% | |
| DPG | 38.50 | GIẢM | GIẢM | | 43.29 | | | | 62.77 | | |
| DPM | 17.60 | TĂNG | GIẢM | 17.70 | 16.62 | -0.56% | | | 18.72 | | |
| DPR | 38.40 | GIẢM | GIẢM | | 39.34 | | | | 41.59 | | |
| DQC | 31.00 | GIẢM | GIẢM | | 33.01 | | | | 35.55 | | |
| DRC | 24.70 | TĂNG | TĂNG | 23.70 | 22.23 | 4.22% | | | 23.95 | | |
| DXG | 25.05 | TĂNG | GIẢM | 23.75 | 21.34 | 5.47% | | | 31.50 | | |
| ELC | 9.10 | GIẢM | GIẢM | | 9.80 | | | | 12.07 | | |
| FCN | 15.80 | GIẢM | TĂNG | | 16.50 | | | 17.70 | 13.88 | -10.73% | |
| FIT | 4.36 | TĂNG | GIẢM | 4.36 | 4.29 | 0.00% | MUA | | 5.43 | | |
| FMC | 21.20 | TĂNG | GIẢM | 21.20 | 21.14 | 0.00% | MUA | | 23.95 | | |
| FPT | 42.50 | TĂNG | GIẢM | 42.90 | 39.43 | -0.93% | | | 49.37 | | |
| GAS | 84.20 | GIẢM | GIẢM | | 85.02 | | | | 103.63 | | |
| GIL | 40.90 | GIẢM | TĂNG | | 41.44 | | | 34.90 | 40.00 | 17.19% | |
| GMD | 24.90 | TĂNG | GIẢM | 25.40 | 23.70 | -1.97% | | | 28.97 | | |
| GTN | 9.16 | TĂNG | GIẢM | 9.20 | 8.79 | -0.43% | | | 10.62 | | |
| HAG | 6.26 | TĂNG | TĂNG | 5.01 | 5.47 | 24.95% | | | 5.68 | | |
| HAX | 17.60 | TĂNG | GIẢM | 17.60 | 17.02 | 0.00% | MUA | | 18.67 | | |
| HBC | 23.10 | TĂNG | TĂNG | 22.95 | 20.12 | 0.65% | | 25.90 | 21.52 | -10.81% | |

We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--------|------|------|--------|--------|---------|-----|--------|--------|---------|-----|
| HDB | 35.10 | GIẢM | GIẢM | | 36.09 | | | | 42.95 | | |
| HNG | 14.40 | TĂNG | TĂNG | 8.36 | 11.74 | 72.25% | | 8.20 | 8.48 | 75.61% | |
| HPG | 37.20 | TĂNG | TĂNG | 37.20 | 33.74 | 0.00% | | 43.80 | 36.64 | -15.07% | BÁN |
| HSG | 11.55 | TĂNG | GIẢM | 11.55 | 11.05 | 0.00% | MUA | | 13.72 | | |
| HT1 | 11.20 | GIẢM | GIẢM | | 11.64 | | | | 13.10 | | |
| HUT | 5.20 | GIẢM | GIẢM | | 5.43 | | | | 7.21 | | |
| HVN | 30.40 | GIẢM | GIẢM | | 32.40 | | | | 40.09 | | |
| ITD | 11.95 | GIẢM | TĂNG | | 12.63 | | | 12.40 | 11.14 | -3.63% | |
| KBC | 11.60 | GIẢM | GIẢM | | 11.81 | | | | 13.50 | | |
| KDH | 30.20 | GIẢM | GIẢM | | 30.29 | | | | 34.41 | | |
| KSB | 31.85 | GIẢM | GIẢM | | 33.06 | | | | 39.51 | | |
| LCG | 9.00 | GIẢM | GIẢM | | 9.37 | | | | 10.40 | | |
| LIX | 41.80 | GIẢM | GIẢM | | 42.07 | | | | 45.67 | | |
| LPB | 10.50 | GIẢM | GIẢM | | 11.24 | | | | 14.25 | | |
| LSS | 7.07 | GIẢM | GIẢM | | 7.67 | | | | 8.72 | | |
| MSN | 79.10 | TĂNG | GIẢM | 79.10 | 78.76 | 0.00% | MUA | | 91.78 | | |
| MWG | 115.30 | TĂNG | TĂNG | 112.00 | 103.37 | 2.95% | | 121.00 | 104.78 | -4.71% | |
| NKG | 15.10 | TĂNG | GIẢM | 14.80 | 13.11 | 2.03% | | | 18.17 | | |
| NLG | 31.00 | TĂNG | GIẢM | 29.80 | 28.04 | 4.03% | | | 31.83 | | |
| NT2 | 26.65 | TĂNG | GIẢM | 29.80 | 26.14 | -10.57% | | | 28.69 | | |
| NTL | 10.35 | TĂNG | TĂNG | 10.35 | 9.88 | 0.00% | MUA | 10.45 | 8.94 | -0.96% | |
| NTP | 42.30 | GIẢM | GIẢM | | 45.82 | | | | 52.79 | | |
| PAC | 40.75 | TĂNG | GIẢM | 42.50 | 38.23 | -4.12% | | | 42.18 | | |
| PC1 | 32.40 | TĂNG | GIẢM | 32.30 | 30.68 | 0.31% | | | 34.50 | | |
| PDR | 25.95 | GIẢM | GIẢM | | 26.83 | | | | 32.23 | | |
| PGC | 14.10 | TĂNG | GIẢM | 14.35 | 13.90 | -1.74% | | | 15.72 | | |
| PHR | 20.10 | GIẢM | GIẢM | | 20.56 | | | | 23.77 | | |
| PLC | 16.80 | TĂNG | GIẢM | 17.00 | 15.60 | -1.18% | | | 19.08 | | |
| PLX | 57.60 | GIẢM | GIẢM | | 58.15 | | | | 69.01 | | |
| PNJ | 94.00 | TĂNG | GIẢM | 90.30 | 84.55 | 4.10% | | | 103.44 | | |
| POW | 11.00 | GIẢM | GIẢM | | 11.91 | | | | 13.91 | | |
| PPC | 18.00 | TĂNG | GIẢM | 18.50 | 17.15 | -2.70% | | | 19.21 | | |
| PTB | 66.70 | TĂNG | TĂNG | 59.40 | 57.73 | 12.29% | | | 64.10 | | |
| PVD | 12.70 | GIẢM | GIẢM | | 13.19 | | | | 16.92 | | |
| PVI | 29.60 | GIẢM | GIẢM | | 29.82 | | | | 33.76 | | |
| PVS | 16.50 | TĂNG | GIẢM | 17.00 | 14.82 | -2.94% | | | 21.30 | | |
| PXS | 4.95 | GIẢM | GIẢM | | 5.09 | | | | 6.31 | | |
| RAL | 90.50 | GIẢM | GIẢM | | 97.00 | | | | 115.54 | | |
| REE | 33.40 | TĂNG | GIẢM | 32.80 | 30.05 | 1.83% | | | 35.52 | | |
| SAB | 215.00 | GIẢM | TĂNG | | 227.00 | | | 252.40 | 207.41 | -14.82% | |
| SAM | 6.80 | GIẢM | GIẢM | | 7.01 | | | | 7.81 | | |
| SBV | 27.25 | TĂNG | GIẢM | 27.00 | 25.92 | 0.93% | | | 31.00 | | |
| SCR | 8.82 | TĂNG | GIẢM | 8.75 | 8.12 | 0.80% | | | 10.30 | | |



We Create Fortune

| | | | | | | | | | | | |
|-----|--------|------|------|-------|--------|--------|--|-------|--------|---------|--|
| SHI | 6.58 | TĂNG | TĂNG | 7.00 | 6.38 | -6.00% | | 6.99 | 5.88 | -5.87% | |
| SJS | 18.00 | GIẢM | GIẢM | | 19.53 | | | | 22.77 | | |
| SKG | 19.00 | GIẢM | GIẢM | | 19.44 | | | | 21.97 | | |
| SSI | 28.90 | GIẢM | GIẢM | | 29.51 | | | | 34.19 | | |
| STB | 11.00 | TĂNG | GIẢM | 11.20 | 10.14 | -1.79% | | | 13.08 | | |
| SVC | 45.00 | GIẢM | GIẢM | | 46.14 | | | | 49.74 | | |
| TCM | 17.90 | TĂNG | GIẢM | 17.80 | 16.48 | 0.56% | | | 22.02 | | |
| TDH | 12.15 | GIẢM | GIẢM | | 12.71 | | | | 15.54 | | |
| TLH | 7.76 | GIẢM | GIẢM | | 8.15 | | | | 9.50 | | |
| TMT | 6.10 | GIẢM | GIẢM | | 6.91 | | | | 8.74 | | |
| TNG | 11.20 | TĂNG | GIẢM | 10.80 | 10.12 | 3.70% | | | 12.03 | | |
| TYA | 10.70 | GIẢM | GIẢM | | 11.34 | | | | 13.17 | | |
| VCB | 56.80 | TĂNG | GIẢM | 57.50 | 51.95 | -1.22% | | | 64.41 | | |
| VFG | 37.50 | GIẢM | TĂNG | | 40.21 | | | 44.69 | 33.47 | -16.09% | |
| VGC | 17.50 | GIẢM | GIẢM | | 19.28 | | | | 24.67 | | |
| VIB | 25.80 | GIẢM | GIẢM | | 26.25 | | | | 34.84 | | |
| VIC | 105.00 | GIẢM | GIẢM | | 109.85 | | | | 109.53 | | |
| VIP | 6.80 | GIẢM | GIẢM | | 6.91 | | | | 7.40 | | |
| VJC | 140.00 | GIẢM | GIẢM | | 141.22 | | | | 154.12 | | |
| VKC | 6.10 | GIẢM | TĂNG | | 6.22 | | | 6.80 | 5.68 | -10.29% | |
| VNM | 170.50 | GIẢM | GIẢM | | 173.68 | | | | 184.77 | | |
| VPB | 29.70 | TĂNG | GIẢM | 30.05 | 26.97 | -1.16% | | | 33.19 | | |
| VRC | 18.45 | TĂNG | GIẢM | 17.75 | 15.30 | 3.94% | | | 19.26 | | |
| VRE | 43.00 | TĂNG | GIẢM | 43.00 | 38.70 | 0.00% | | | 46.29 | | |
| VSC | 34.20 | GIẢM | TĂNG | | 34.71 | | | 35.30 | 29.50 | -3.12% | |
| VSH | 17.00 | TĂNG | TĂNG | 17.20 | 16.64 | -1.16% | | 17.40 | 16.36 | -2.30% | |



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

| | Điểm | Chg% |
|----------|--------|------|
| VNI | 943.97 | 0.17 |
| VN30 | 941.09 | 0.61 |
| VN Mid | 956.19 | 0.41 |
| VN Small | 796.85 | 0.41 |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---------|---------------|--|
| Mua | 769.25 | |
| Bán | 820.28 | |
| GT rỗng | (51.03) | |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|------|
| HAX | 1,150 | 7.0% |
| VCI | 3,800 | 7.0% |
| HSG | 750 | 6.9% |
| LDG | 850 | 6.8% |
| NTL | 650 | 6.7% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|-------|
| IJC | (920) | -9.6% |
| DPG | (2,700) | -7.0% |
| SJF | (1,400) | -7.0% |
| GTN | (680) | -6.9% |
| FRT | (5,000) | -6.5% |

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---------------|---------|--|
| VIC | 335,120 | |
| VHM | 285,379 | |
| VNM | 247,438 | |
| VCB | 204,353 | |
| GAS | 161,155 | |

| KLGD nhiều nhất | Giá trị (triệu) | TB 30 ngày |
|-----------------|-----------------|------------|
| HAG | 21.45 | 7.22 |
| GTN | 12.25 | 0.27 |
| CTG | 6.56 | 5.17 |
| FLC | 6.30 | 7.58 |
| VPB | 5.42 | 4.17 |

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

| | Điểm | Chg% |
|-----------|----------|--------|
| HNI | 105.58 | (1.26) |
| HN30 | 188.79 | (1.46) |
| VNX AllSh | 1,336.59 | 0.26 |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---------|---------------|--|
| Mua | 17.34 | |
| Bán | 51.93 | |
| GT rỗng | (34.59) | |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|------|
| VIX | 500 | 8.5% |
| NDN | 800 | 5.8% |
| VCG | 500 | 3.0% |
| TNG | 300 | 2.8% |
| PMC | 900 | 1.6% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|-------|
| VC3 | (700) | -3.5% |
| VCS | (3,000) | -3.2% |
| PVS | (500) | -2.9% |
| SHS | (400) | -2.8% |
| VGC | (500) | -2.8% |

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---------------|---------|--|
| ACB | 38,391 | |
| VCS | 14,560 | |
| SHB | 9,866 | |
| VGC | 7,846 | |
| VCG | 7,686 | |

| KLGD nhiều nhất | Giá trị (triệu) | TB 30 ngày |
|-----------------|-----------------|------------|
| ACB | 6.34 | 4.84 |
| SHB | 4.43 | 6.20 |
| PVS | 2.83 | 3.32 |
| KLF | 2.78 | 1.02 |
| HUT | 2.62 | 1.28 |

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

| | Điểm | Chg% |
|-------|-------|------|
| UPCoM | 50.59 | 0.85 |

| GDKN | GTGD (tỷ VND) | |
|---------|---------------|--|
| Mua | 30.62 | |
| Bán | 30.32 | |
| GT rỗng | 0.30 | |

| Mã tăng lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|-------|
| POW | 1,200 | 10.2% |
| OIL | 1,100 | 8.1% |
| SDI | 3,300 | 6.3% |
| BSR | 800 | 5.3% |
| QNS | 1,500 | 3.8% |

| Mã giảm lớn nhất* | Giá trị thay đổi (VND) | Chg% |
|-------------------|------------------------|-------|
| LPB | (200) | -1.8% |
| DVN | (100) | -0.7% |
| SSN | (100) | -0.6% |

| GTVH cao nhất | Tỷ đồng | |
|---------------|---------|--|
| ACV | 175,694 | |
| BSR | 48,988 | |
| MCH | 46,779 | |
| HVN | 41,194 | |
| GVR | 31,600 | |

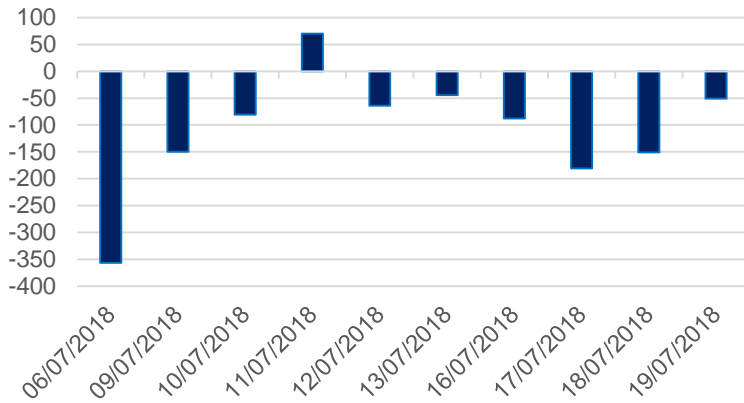
| KLGD nhiều nhất | Giá trị (triệu) | TB 30 ngày |
|-----------------|-----------------|------------|
| POW | 3.76 | 1.06 |
| BSR | 2.47 | 1.23 |
| LPB | 1.41 | 1.17 |
| OIL | 1.28 | 0.70 |
| VGT | 0.89 | 0.19 |

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

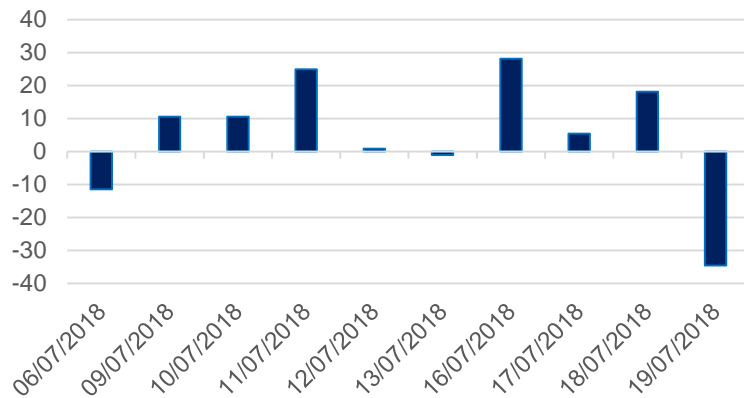
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



| Mã CK | Giá trị mua ròng (triệu VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (triệu VND) |
|-------|------------------------------|-------|------------------------------|
| VIS | 57,791 | VIC | (126,479) |
| BID | 26,797 | VJC | (44,793) |
| VCB | 25,307 | VHM | (30,486) |
| DXG | 21,131 | VNM | (27,491) |
| CTG | 20,783 | DHG | (8,054) |

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

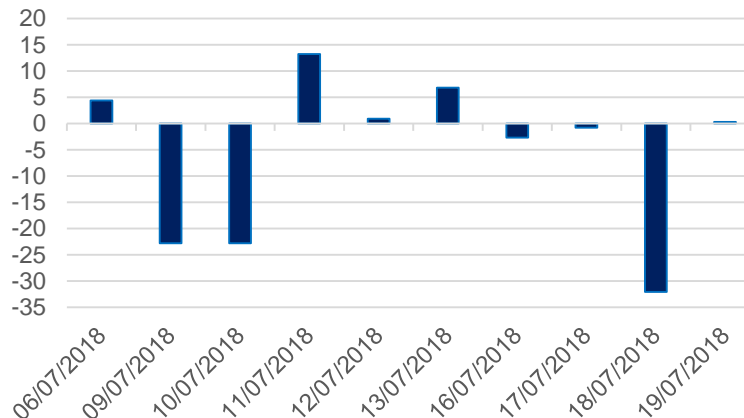
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



| Mã CK | Giá trị mua ròng (triệu VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (triệu VND) |
|-------|------------------------------|-------|------------------------------|
| IVS | 4,248 | BVS | (29,910) |
| SHS | 3,175 | HUT | (5,061) |
| CEO | 445 | VCS | (2,182) |
| KVC | 240 | PMC | (2,177) |
| IDV | 109 | CAP | (925) |

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



| Mã CK | Giá trị mua ròng (triệu VND) | Mã CK | Giá trị Bán ròng (triệu VND) |
|-------|------------------------------|-------|------------------------------|
| POW | 19,360 | BSR | (15,004) |
| QNS | 2,182 | VGT | (6,247) |
| HVN | 1,935 | OIL | (2,024) |
| LPB | 913 | SCS | (1,379) |
| VEA | 552 | ACV | (1,122) |

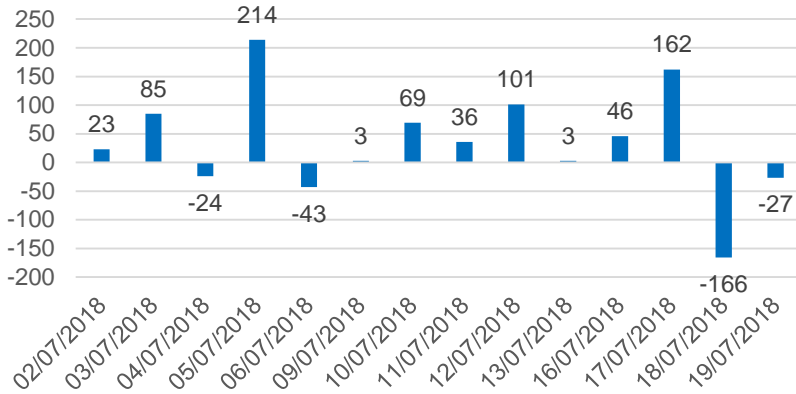
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

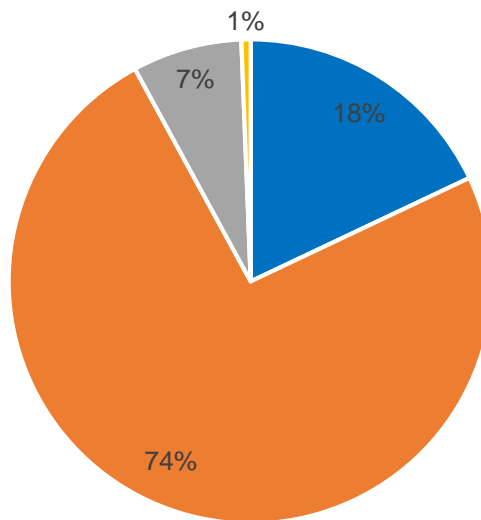


| Mã CK | Giá trị đặt mua (triệu VND) | Mã CK | Giá trị đặt bán (triệu VND) |
|------------|-----------------------------|------------|-----------------------------|
| GTN | 49,667 | VIS | 58,000 |
| MWG | 21,034 | VIC | 12,408 |
| HPG | 12,610 | VNM | 9,917 |
| VPB | 11,878 | HPG | 9,668 |
| VIC | 10,425 | CTD | 8,554 |

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



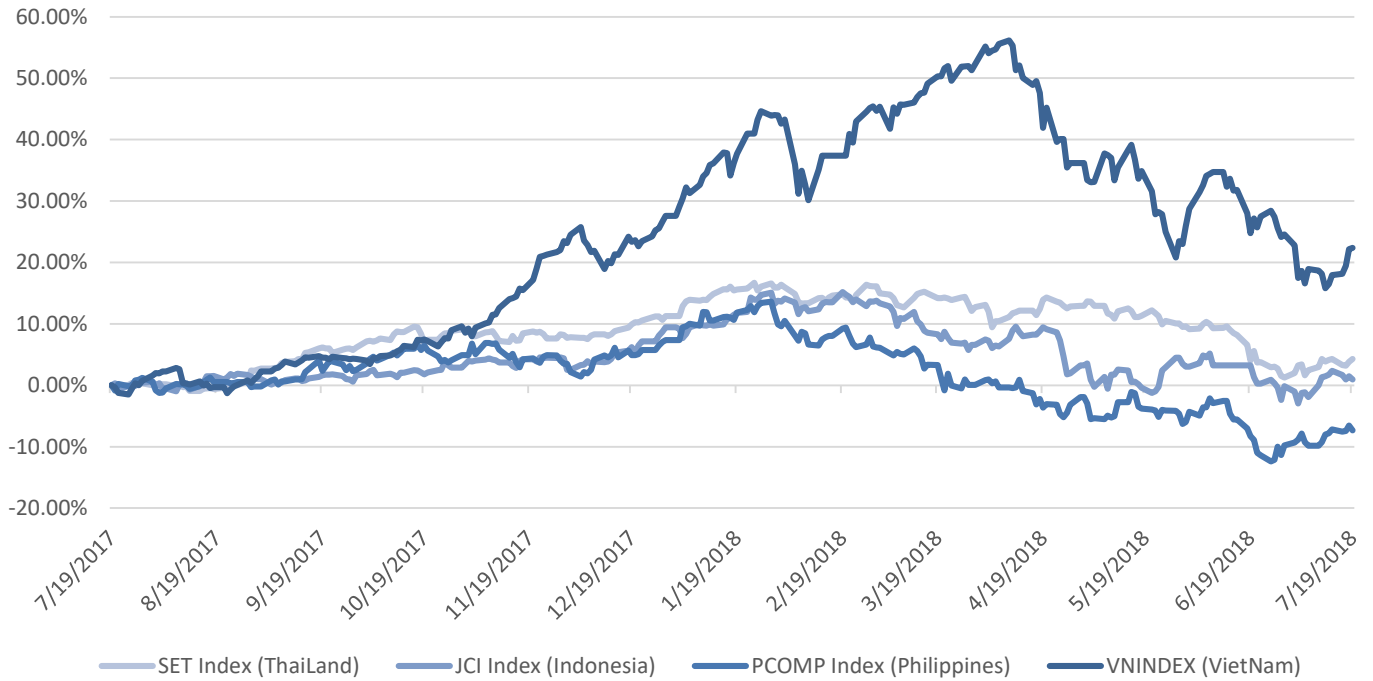
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create **Fortune**

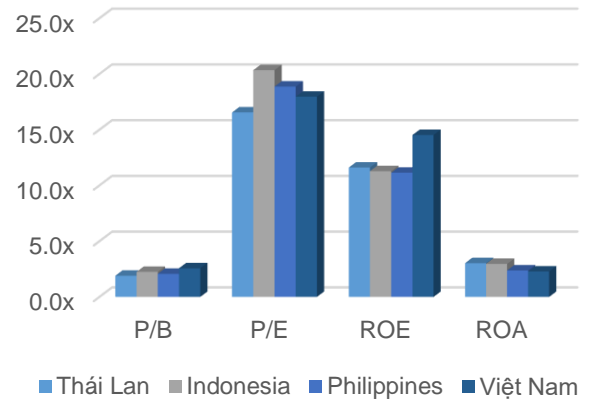
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

| | | Thái Lan | Indonesia | Philippines | Việt Nam |
|-----------|-----------|----------|-----------|-------------|----------|
| P/B | | 1.9x | 2.2x | 2.1x | 2.6x |
| P/E | | 16.6x | 20.3x | 18.9x | 18.0x |
| ROE | % | 11.61 | 11.28 | 11.14 | 14.52 |
| ROA | % | 3.03 | 2.96 | 2.37 | 2.28 |
| Vốn hóa | Tỷ USD | 493.92 | 460.84 | 173.27 | 129.83 |
| GTGD | Triệu USD | 1.25 | 0.38 | 0.04 | 0.17 |
| LS cổ tức | % | 3.13 | 2.33 | 1.70 | 2.25 |

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written